

Số: 112/BB-QLKH

Thái Nguyên, ngày 03 tháng 6 năm 2026

BIÊN BẢN
HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN, ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ ĐĂNG KÝ TUYỂN CHỌN
TỔ CHỨC CHỦ TRÌ, CÁ NHÂN CHỦ NHIỆM THỰC HIỆN NHIỆM VỤ
KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

A. Thông tin chung:

1. Tên dự án: Xây dựng cơ sở dữ liệu số tác giả, tác phẩm văn học, nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên từ 1975 đến 2025.

2. Quyết định thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh số 211/QĐ-SKHCN ngày 23/5/2026 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên.

3. Địa điểm và thời gian:

- Địa điểm: Phòng họp tầng 2, Sở Khoa học và Công nghệ.

- Thời gian: Từ 08h00 đến 09h30 ngày 03/6/2026 (Thứ Tư).

4. Số thành viên Hội đồng tư vấn có mặt trên tổng số thành viên: 07/07 người.

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức danh trong HĐ
1	ThS. Hoàng Văn Thiên	Giám đốc Sở KH&CN tỉnh Thái Nguyên	Chủ tịch
2	TS. Nguyễn Thị Thủy	Phó Giám đốc Sở KH&CN tỉnh Thái Nguyên	Phó Chủ tịch
3	PGS. TS. Phạm Thị Phương Thái	Nguyên Phó hiệu trưởng trường Đại học Khoa học-Đại học Thái Nguyên	Ủy viên, phản biện 1
4	TS. Đỗ Đình Cường	Phó Hiệu trưởng trường Đại học Công nghệ thông tin và Truyền Thông-Đại học Thái Nguyên	Ủy viên, Phản biện 2
5	PGS. TS. Nguyễn Đức Hạnh	Nguyên Giám đốc Tổng biên tập nhà xuất bản-Đại học Thái Nguyên	Ủy viên



TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Chức danh trong HĐ
6	TS. Quách Xuân Trường	Trưởng khoa Công nghệ thông tin, trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông-Đại học Thái Nguyên	Ủy viên
7	ThS. Tạ Đức Hiện	Phó Trưởng phòng Quản lý Khoa học - Sở KH&CN tỉnh Thái Nguyên	Ủy viên

(Thư ký hành chính: ThS. Lê Đào Duy Thắng - Chuyên viên Phòng Quản lý Khoa học, Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên)

5. Đại biểu tham dự

TT	Họ và tên	Đơn vị công tác	Ghi chú
1	Triệu Thị Huệ	Sở KH&CN	
2	Đào Thị Phương Thảo	Sở KH&CN	
3	Nông Thị Nơi	Sở KH&CN	
4	Nguyễn Thúy Quỳnh	Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên	
5	Trần Văn Thép	Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên	
6	Trần Thị Thanh	Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên	
7	Ngô Ngọc Luân	Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên	
8	Lê Anh Tú	Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên	

6. Hội đồng nhất trí cử ông Tạ Đức Hiện là Thư ký khoa học của Hội đồng.

B. Nội dung làm việc của hội đồng:

1. Ông Tạ Đức Hiện - Ủy viên, Thư ký Khoa học thông qua Quyết định số 211/QĐ-ŠKH&CN ngày 23/5/2026 của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Thái Nguyên về việc thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

2. Chủ tịch Hội đồng điều hành phiên họp, thống nhất nguyên tắc, chương trình làm việc.

3. Các ủy viên phản biện trình bày nhận xét, các ủy viên hội đồng nhận xét, đánh giá hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn (có chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

4. Thư ký khoa học ghi chép các ý kiến thảo luận và lập biên bản cuộc họp.

C. Bổ phiếu đánh giá:

1. Hội đồng đã bầu ban kiểm phiếu với các thành viên sau:

- Trưởng ban: ThS. Tạ Đức Hiện;
- Thành viên: TS. Đỗ Đình Cường;
- Thành viên: TS. Quách Xuân Trường.

2. Hội đồng đã bỏ phiếu đánh giá hồ sơ đăng ký:

Kết quả kiểm phiếu đánh giá các hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong Biên bản kiểm phiếu và Bảng tổng hợp kiểm phiếu kèm theo.

3. Kết quả bỏ phiếu: 07/07 thành viên của Hội đồng đã bỏ phiếu, số điểm trung bình là **82,4 điểm**. Căn cứ kết quả bỏ phiếu, Hội đồng kiến nghị tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm sau đây trúng tuyển chủ trì dự án nêu trên như sau:

Tên tổ chức: Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên.

Họ và tên cá nhân chủ nhiệm: ThS. Nguyễn Thúy Quỳnh.

D. Kết luận, kiến nghị của hội đồng

1. Kiến nghị những nội dung cần điều chỉnh, sửa đổi (có chi tiết tại Phụ lục kèm theo):

(1) Tên nhiệm vụ: Không

(2) Mục tiêu nhiệm vụ: Không

(3) Các nội dung chính thực hiện:

Căn cứ vào định hướng mục tiêu, cụ thể hóa thành các nội dung nghiên cứu cho phù hợp

Rà soát các nội dung thực hiện theo từng mục tiêu nghiên cứu và bổ sung phương pháp thực hiện cho từng công việc cần chi tiết và cụ thể hơn.

(4) Sản phẩm của nhiệm vụ: Không

(5) Số lượng chuyên gia cần thiết tham gia thực hiện: Không

(6) Phương thức khoán chi:

a) Khoán chi đến sản phẩm cuối cùng ☐

b) Khoán chi từng phần ☒

2. Đánh giá sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ:

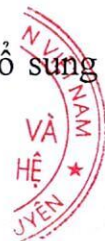
☒ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ.

☐ Tổng mức kinh phí do tổ chức đăng ký chủ trì đề xuất **không phù hợp** với các sản phẩm của nhiệm vụ.

3. Kết luận của Hội đồng:

Hội đồng thống nhất các nội dung chính như sau:

- Tên Dự án: Xây dựng cơ sở dữ liệu số tác giả, tác phẩm văn học, nghệ



thuật tỉnh Thái Nguyên từ 1975 đến 2025.

- Mã số dự án là: DA/TN/18/2026
- Thời gian thực hiện: 18 tháng
- Căn cứ kết quả đánh giá, hội đồng nhất trí lựa chọn tổ chức, cá nhân sau đây trúng tuyển và đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ trình UBND tỉnh phê duyệt:

+ Tên tổ chức chủ trì: Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh Thái Nguyên.

+ Họ và tên cá nhân chủ nhiệm: ThS. Nguyễn Thúy Quỳnh.

- Đề nghị Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm dự án tiếp thu tối đa các ý kiến tham gia tại các phiếu nhận xét và ý kiến phát biểu của thành viên Hội đồng (*tại phụ lục chi tiết kèm theo*), trong đó có các nội dung chính như sau:

+ Rà soát các đầu mục của thuyết minh dự án theo Biểu mẫu III.08-TM.DA của Thông tư 09/2024/TT-BKHCN; dự toán kinh phí theo biểu mẫu dự toán quy định tại Thông tư 36/2025.TT-BKHCN của Bộ KH&CN và định mức chi số 11/2026/NQ-HĐND ngày 28/4/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên;

+ Phân tổng quan cần luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của dự án, cần rõ ràng chi tiết hơn; cơ sở pháp lý về quyền tác giả, làm rõ tiêu chí lựa chọn đối tượng số hóa, hoàn thiện giải pháp công nghệ và xây dựng phương án duy trì, cập nhật cơ sở dữ liệu sau khi kết thúc dự án.

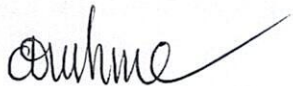
+ Chỉnh sửa, bổ sung một số nội dung liên quan đến tiêu chí lựa chọn tác giả, tác phẩm; cơ chế xử lý bản quyền; giải pháp AR/VR; kiến trúc dữ liệu và phương án vận hành sau dự án.

- Về khoán kinh phí: Thực hiện phương thức Khoán chi từng phần.

- Tổ chức chủ trì sửa lại thuyết minh, dự toán kinh phí cho phù hợp với yêu cầu của Hội đồng; bổ sung, làm rõ căn cứ lập dự toán, các định mức kinh tế kỹ thuật áp dụng (nếu có), các tài liệu minh chứng cho việc lập dự toán.

Hội đồng tư vấn tuyển chọn nhiệm vụ đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ xem xét trình UBND tỉnh phê duyệt thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp tỉnh theo quy định./.

THƯ KÝ KHOA HỌC



ThS. Tạ Đức Hiện

**KT. CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
PHÓ CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ KH&CN
Nguyễn Thị Thủy**

Phụ lục

Ý KIẾN CỦA CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Kèm theo Biên bản số 112/BB-QLKH ngày 03/6/2026 của Hội đồng tư vấn đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh)

1. Ủy viên Phản biện 1: PGS. TS. Phạm Thị Phương Thái

a) Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án:

Phân luận giải về sự cần thiết, tính cấp bách, ý nghĩa lý luận và thực tiễn của dự án, cần viết rõ ràng hơn, thuyết phục hơn, tập trung vào các nội dung sau:

- Tầm quan trọng của văn học nghệ thuật của Thái Nguyên trong bản sắc văn hóa của tỉnh nhà.

- Kho tàng văn hóa nghệ thuật đồ sộ trong suốt 50 năm đang đối diện với nguy cơ mai một, đang rất cần một hệ thống lưu trữ số, phù hợp xu hướng của thời đại.

- Dự án là một bước đi chiến lược để phát huy giá trị văn hóa tỉnh Thái Nguyên trong kỷ nguyên số.

b) Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế-xã hội:

- Làm rõ thông số kỹ thuật đối với mỗi loại sản phẩm (tác phẩm văn học/ảnh/phim/tác phẩm sân khấu, điện ảnh)

- Khả năng ứng dụng, chuyển giao của dự án đối với một số đơn vị trong danh sách đề xuất trong Thuyết minh là phù hợp. Tuy nhiên cũng cần trao đổi và làm rõ với các tổ chức, đơn vị đó về yêu cầu, mục tiêu về phía đơn vị được thụ hưởng sản phẩm của dự án.

c) Sản phẩm khoa học và công nghệ:

Sản phẩm số hóa cần bổ sung rõ ràng yêu cầu cần đạt về thông số kỹ thuật, công nghệ đối với từng nhóm sản phẩm

d) Phương án tài chính

Cần cụ thể hơn kinh phí theo các gói công việc, tách biệt rõ “mua sắm” và “thuê dịch vụ” về trang thiết bị

e) Năng lực thực hiện

Bổ sung 01 thành viên trong danh sách thành viên tham gia dự án là chuyên gia thuộc lĩnh vực IT do có số lượng công việc khá lớn liên quan đến công việc số hóa (kỹ thuật AR/VR, thiết lập hệ thống, chạy OCR, tích hợp bộ lọc tìm kiếm).

2. Ủy viên phản biện 2: TS. Đỗ Đình Cường

a) Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường của dự án:

Bổ sung thêm nội dung khảo cứu, so sánh với một số mô hình cơ sở dữ liệu văn hóa, thư viện số hoặc bảo tàng số đã triển khai trong nước để làm rõ hơn tính kế thừa và tính khác biệt của giải pháp đề xuất.

b) Nội dung và phương án triển khai:



Cần làm rõ hơn tiêu chí lựa chọn 250 tác phẩm, 20 tác giả tiêu biểu và phương án thực hiện 20 phim tài liệu, đồng thời bổ sung cơ chế xử lý bản quyền và quyền khai thác dữ liệu đối với các tác phẩm được số hóa.

c) Tính mới và tính khả thi của công nghệ:

Phần mô tả giải pháp AR/VR còn tương đối khái quát, vì vậy cần bổ sung và làm rõ kiến trúc dữ liệu, chuẩn metadata và cơ chế mở rộng hệ thống trong tương lai.

d) Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế-xã hội:

Bổ sung phương án vận hành, duy trì và cập nhật cơ sở dữ liệu sau khi kết thúc dự án để bảo đảm hiệu quả khai thác lâu dài.

e) Sản phẩm khoa học và công nghệ:

Bổ sung các tiêu chí kỹ thuật, tiêu chuẩn dữ liệu và tiêu chí nghiệm thu đối với các sản phẩm số hóa, đặc biệt là các sản phẩm AR/VR và phim tài liệu.

f) Phương án tài chính:

Cần thuyết minh rõ hơn cơ sở hình thành kinh phí đối với các hạng mục sản xuất phim tài liệu, số hóa dữ liệu, ứng dụng AR/VR và chi phí vận hành hệ thống sau dự án.

g) Các nội dung khác:

- Về phạm vi dữ liệu và tiêu chí lựa chọn tác giả, tác phẩm: Bổ sung những nguyên tắc cơ bản của bộ tiêu chí và cơ chế thẩm định, phản biện khi xét chọn.

- Về cơ sở pháp lý và quyền sở hữu trí tuệ đối với dữ liệu số hóa: Xây dựng riêng một mục về xử lý bản quyền và quyền khai thác dữ liệu sau khi hoàn thành dự án.

- Về quy mô sản phẩm và tính khả thi của tiến độ thực hiện: Cần thuyết minh rõ hơn về nguồn lực triển khai đặc biệt đối với sản phẩm 20 phim tài liệu

- Về nội dung ứng dụng công nghệ AR/VR: Cần mô tả rõ phạm vi công nghệ để tránh cách hiểu khác nhau khi nghiệm thu.

- Về kiến trúc dữ liệu và khả năng mở rộng của hệ thống: Bổ sung mô hình dữ liệu tổng thể, chuẩn metadata cho từng loại hình tác phẩm; quy trình cập nhật dữ liệu mới; quy trình kiểm duyệt dữ liệu; quy trình sao lưu và phục hồi dữ liệu; cơ chế liên thông với các hệ thống dữ liệu văn hóa khác trong tương lai.

- Về phương án vận hành sau khi kết thúc dự án: Bổ sung kế hoạch duy trì tối thiểu 3-5 năm sau khi dự án kết thúc.

- Một số lỗi chính tả, câu từ, kỹ thuật cần rà soát, chỉnh sửa.

3. Ủy viên: PGS. TS. Nguyễn Đức Hạnh

a) Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường:

- Bổ sung vào mục 2.4.4.3 (Trang 24, 25) phần khái quát một vài dịch vụ và đối tượng khai thác: Đối tượng khai thác miễn phí và đối tượng khai thác có trả phí (đi kèm các điều kiện kỹ thuật tương ứng); về các đối tượng khai thác: Nhà nghiên

cứu, nhà phê bình Văn học nghệ thuật, nghiên cứu sinh (NCS), các công ty du lịch lữ hành, v.v...

b) Nội dung và phương án triển khai:

- Cần tổng hợp cơ sở lý luận cho nội dung triển khai. Cụ thể là quy trình xây dựng bộ tiêu chí một cách khách quan, khoa học và toàn diện để lựa chọn hiện vật, lựa chọn số lượng 250 tác phẩm VHNT giai đoạn 1975 - 2025.

- Cần có phương pháp định tính, định lượng rõ ràng nhằm loại bỏ được các yếu tố chủ quan, nể nang hay thiên vị trong nội dung công việc thực hiện

4. Ủy viên: TS. Quách Xuân Trưởng

a) Tổng quan về các vấn đề công nghệ và thị trường:

- Bổ sung thêm phần thị trường/người dùng, phân tích rõ hơn nhu cầu từng nhóm người dùng như nhà nghiên cứu, trường học, người dân, du khách, văn nghệ sĩ về đối tượng đang hướng đến;

- Bổ sung luận giải về xuất xứ công nghệ, mô hình vận hành, khả năng duy trì sau khi nghiệm thu và kịch bản khai thác xã hội hóa/phi thương mại.

b) Nội dung và phương án triển khai:

- Cần chuẩn hóa lại số lượng sản phẩm theo từng loại hình để bảo đảm khớp với mục tiêu 250 tác phẩm/công trình; cần làm rõ 20 tác giả là toàn bộ tác giả của các loại hình hay chỉ là nhóm làm phim tài liệu.

- Cần bổ sung quy trình quyền tác giả, quyền công bố trên internet, tiêu chuẩn metadata, tiêu chuẩn chất lượng OCR, quy trình kiểm duyệt dữ liệu và phương án cập nhật sau 2025.

c) Tính mới và tính khả thi của công nghệ

- Cần nâng cấp mô tả công nghệ: không nên ghi chung “ASP.NET” mà cần xác định ASP.NET Core/.NET LTS; không nên lấy SQL Server 2017 làm mốc cho hệ thống triển khai mới; cần nêu rõ phương án lưu trữ file lớn, backup, API, tìm kiếm toàn văn/ngữ nghĩa.

- Việc ghi “OpenAI PRO + nhân sự chuyên gia” chưa phải là mô tả kỹ thuật phù hợp cho một hệ thống KH&CN; nên chuyển thành “AI/API hỗ trợ hiệu đính OCR, tóm tắt, gợi ý metadata, có chuyên gia kiểm duyệt”.

- Nếu có yêu cầu bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, cần làm rõ phần nào là sản phẩm phần mềm mới, phần nào là tích hợp công nghệ sẵn có, phần nào thuộc dữ liệu/bản quyền tác phẩm

d) Khả năng phát triển và hiệu quả kinh tế-xã hội

- Thông số sản phẩm còn cần lượng hóa: số lượng bản ghi tác giả, tác phẩm, file số hóa; tiêu chuẩn ảnh/âm thanh/video; tốc độ truy cập; chuẩn dữ liệu; mức độ đáp ứng thiết bị di động; chỉ tiêu chính xác OCR.

- Cần làm rõ khả năng nhân rộng thành mô hình CSDL VHNT cho địa phương khác hoặc tích hợp với cổng văn hóa, thư viện số, giáo dục địa phương



- Bổ sung các chỉ số hiệu quả sau chuyển giao: số lượt truy cập, số trường/cơ quan sử dụng, số tư liệu được cập nhật hằng năm, số tác giả/tác phẩm

e) Sản phẩm khoa học và công nghệ

Bổ sung yêu cầu nghiệm thu kỹ thuật: Định dạng file, độ phân giải, chuẩn đặt tên, metadata bắt buộc, chất lượng OCR, kiểm thử bảo mật, kiểm thử mobile, hướng dẫn vận hành và bàn giao mã nguồn/CSDL

f) Năng lực thực hiện

- Bổ sung rõ vai trò kỹ thuật của nhóm CNTT: kiến trúc hệ thống, bảo mật, quản trị CSDL, DevOps, kiểm thử, vận hành cloud, chuẩn dữ liệu.

- Bổ sung quy định cơ chế phối hợp sau bàn giao để bảo đảm hệ thống không chỉ nghiệm thu xong mà còn được cập nhật, vận hành ổn định.

5. Ủy viên: ThS. Tạ Đức Hiện

- Hồ sơ thuyết minh cần rà soát lại mục tiêu, nội dung, sản phẩm đặt hàng theo Quyết định số 602/QĐ-UBND ngày 19/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt Danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh bắt đầu thực hiện từ năm 2026 (đợt 2));

- Nội dung nghiên cứu cần viết cụ thể, chi tiết hơn cho từng công việc để thực hiện;

- Phân dự toán cho thù lao, phần mềm cần cụ thể xây dựng theo hướng dẫn, có minh chứng; thành viên chính tham gia thực hiện cần bám sát vào nội dung thực hiện cho phù hợp, mỗi thành viên chính chỉ phụ trách thực hiện một nội dung;

- Hồ sơ lý lịch khoa học cần trình bày khoa học, cung cấp đủ thông tin, giấy tờ bổ sung chữ ký, xác nhận;

- Sản phẩm đề tài cần bám sát theo đặt hàng.

6. Phó Chủ tịch Hội đồng: TS. Nguyễn Thị Thủy

- Sửa các lỗi hành chính và kỹ thuật: Kinh phí, giới tính, dấu chọn, mã số tổ chức, cơ quan chủ trì, thông tin ký xác nhận, thời gian thực hiện, cách ghi tháng/năm, lỗi chính tả như “số hóa các giả” phải sửa thành “số hóa tác giả”.

- Bổ sung mục danh mục tài liệu tham khảo đã trích dẫn; tăng cường tài liệu khoa học, văn bản pháp lý, tài liệu chuyên ngành về cơ sở dữ liệu số, thư viện số, lưu trữ số, bản quyền tác phẩm và chuyển đổi số lĩnh vực văn hóa.

- Hoàn thiện bộ tiêu chí lựa chọn tác giả, tác phẩm theo hướng khách quan, minh bạch, có thang điểm, quy trình thẩm định, thành phần hội đồng, nguyên tắc phân bổ giữa các loại hình nghệ thuật, bảo đảm tính đại diện của văn học nghệ thuật Thái Nguyên giai đoạn 1975-2025.

- Làm rõ phương án bản quyền, quyền khai thác, quyền công bố, quyền số hóa và cơ chế bảo vệ dữ liệu đối với các tác phẩm được đưa lên hệ thống.

- Chuẩn hóa yêu cầu kỹ thuật đối với hệ thống cơ sở dữ liệu trực tuyến, bao gồm kiến trúc hệ thống, chuẩn dữ liệu, chức năng quản trị, tìm kiếm, trình diễn đa

phương tiện, sao lưu, bảo mật, phân quyền, khả năng mở rộng và phương án vận hành sau chuyển giao.

- Lượng hóa tiêu chuẩn nghiệm thu đối với từng sản phẩm: 250 hồ sơ tác phẩm/công trình; số lượng hồ sơ tác giả; 20 sách điện tử; 20 phim tài liệu/video tư liệu; 10 bộ sưu tập 3D; hệ thống cơ sở dữ liệu trực tuyến; tài liệu hướng dẫn sử dụng; tài khoản quản trị; mã nguồn hoặc gói cài đặt; báo cáo kiểm thử; biên bản chuyển giao.

- Rà soát tiến độ, bảo đảm phù hợp thời gian 18 tháng; không đưa mốc công việc trước thời gian bắt đầu nhiệm vụ; bố trí hợp lý thời gian cho khảo sát, lựa chọn, số hóa, xây dựng hệ thống, kiểm thử và chuyển giao.

- Hoàn thiện dự toán kinh phí theo đúng quy định, bảo đảm tương ứng giữa nội dung công việc, sản phẩm, khối lượng và kinh phí; phân định rõ phần khoán, không khoán; bổ sung căn cứ báo giá đối với các hạng mục thuê ngoài công nghệ, quay dựng, số hóa, thiết kế 3D/AR/VR, máy chủ và bảo mật./.

THƯ KÝ KHOA HỌC

Tạ Đức Hiện

Tạ Đức Hiện

